TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 47/2018/DS-PT Ngày 23 - 3 - 2018 V/v tranh chấp đòi lại tài sản cho mượn, tranh chấp đòi bồi thường tiền chi phí đào ao nuôi tôm	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Ông Trần Văn Lực

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Trung

Ông Huỳnh Văn Hoàng Vân

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Huỳnh Bích Nhân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Bà Trần Hương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 216/2018/TLPT- DS, ngày 02 tháng 01 năm 2018 về việc tranh chấp đòi lại tài sản cho mượn, tranh chấp đòi bồi thường tiền chi phí đào ao nuôi tôm.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 129/2018/QĐ-PT ngày 06 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Kiên P, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện N, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thanh H - Văn phòng Luật sư Thanh H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Thạch S, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Lạc H, xã T, huyện N, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Kiên Thị S, sinh năm 1960 (vắng mặt);

2. Chị Kiên Thị P, sinh năm 1983 (vắng mặt);

3. Anh Kiên N, sinh năm 1985 (vắng mặt);

4. Anh Kiên R, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bà Kiên Thị S, chị Kiên Thị P, anh Kiên N,

anh Kiên R:

Ông Kiên P, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện N, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 20/8/2014, có mặt).

5. Ông Thạch K (Thạch C), sinh năm 1950 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

6. Bà Thạch Thị M, sinh năm 1951 (vắng mặt);

7. Chị Thạch Thị N, sinh năm 1981 (vắng mặt);

8. Anh Thạch T, sinh năm 1982 (vắng mặt);

9. Anh Thạch D, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện N, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thạch Thị M, chị Thạch Thị N, anh Thạch T, anh Thạch D:

Ông Thạch K (Thạch C), sinh năm 1951; địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện N, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 18/8/2014, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 01/7/2014 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Kiên P trình bày:*

Vào năm 2006, ông có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hộ ông Thạch K (Thạch C) diện tích đất 6.500m^2 (thực đo 6.497m^2), nằm một phần trong thửa đất số 773A, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện N, tỉnh Trà Vinh. Khi chuyển nhượng hai bên lập giấy tay, chưa làm thủ tục sang tên. Sau khi mua đất, gia đình ông sử dụng một phần nuôi tôm, phần còn lại làm lúa. Đến năm 2011, ông cho vợ chồng chị Kiên Thị P là con ruột và anhThạch S là con rể mượn đào ao nuôi tôm. Nay chị P và anh S đã ly hôn, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh S phải trả lại diện tích đất mà ông đã cho mượn. Đối với yêu cầu đòi bồi thường số tiền đào ao là 35.000.000 đồng của anh Thạch S ông không đồng ý.

** Bị đơn anh Thạch S trình bày và có yêu cầu như sau:*

Đất tranh chấp theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã được ông Kiên P là cha vợ cho vợ chồng anh vào năm 2011. Sau khi nhận đất anh cùng vợ là chị Kiên Thị P thuê xe cuốc 35.000.000 đồng để đào ao nuôi tôm, khi cho đất chỉ nói miệng, không có làm giấy tờ và không có ai chứng kiến. Nay ông P kiện đòi đất anh không đồng ý trả, vì đất này ông P đã cho vợ chồng anh. Anh xin hưởng ½ diện tích đất đã cho, nếu ông P lấy lại đất thì phải trả cho anh tiền đào ao 35.000.000 đồng.

****** *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Thạch K (Thạch C) trình bày:*

Thống nhất theo lời trình bày của ông P. Đất gia đình ông đã bán cho ông P, ông đã nhận tiền và giao đất cho ông P sử dụng, nay ông không có ý kiến tranh chấp.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang đã xử:

- Buộc anh Thạch S trả cho ông Kiên P diện tích đất 6.497m^2 nằm một phần trong thửa đất số 773A, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện N, tỉnh Trà Vinh.

- Buộc ông Kiên P có nghĩa vụ hoàn trả tiền đào ao anh Thạch S với số tiền là 35.000.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng, lãi suất chậm thi hành án, quyền kháng cáo và quyền thỏa thuận, tự nguyện, yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/10/2017 nguyên đơn ông Kiên P kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, ông không đồng ý bồi thường tiền đào ao 35.000.000 đồng cho anh Thạch S, vì ông cho rằng anh Thạch S đã sử dụng đất để nuôi tôm từ khi cho mượn đến nay năm nào cũng có lãi.

Ngày 31/10/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang kháng nghị yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy một phần Bản án sơ thẩm 02/2017/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang do tại phiên tòa bị đơn rút yêu cầu phản tố nhưng Hội đồng xét xử không đình chỉ yêu cầu này của bị đơn là vi phạm tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh giữ nguyên quyết định kháng nghị. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng:

- Tại phiên tòa sơ thẩm, anh S đã rút yêu cầu phản tố đòi ông P trả 35.000.000 đồng tiền đào ao nhưng án sơ thẩm không đình chỉ xét xử mà buộc anh S trả ông P 35.000.000đ là không đúng.

- Theo hồ sơ thể hiện tiền đào ao là tài sản chung giữa anh S và chị P, nhưng khi giải quyết vụ án không có ý kiến của chị P là không đảm bảo quyền lợi của chị P.

- Đất tranh chấp hiện do ông Thạch K đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông P mua đất của ông Thạch K chưa làm thủ tục pháp lý, lẽ ra án sơ thẩm phải tuyên giao cho ông phát quản lý để ông Phát làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng theo quy định của pháp luật, nhưng án sơ thẩm buộc anh Thạch S trả diện tích đất 6.497m^2 cho ông P là không đảm bảo thi hành án.

- Anh S kiện ông P yêu cầu trả 35.000.000 đồng tiền đào ao là không có căn cứ. Bởi vì pháp luật quy định về hợp đồng mượn tài sản: Nếu có thỏa thuận giữa các bên về việc bên cho mượn phải trả cho bên mượn tài sản đầu tư làm tăng giá trị của đất thì mới bồi thường. Trong vụ án này giữa ông P và anh S không có thỏa thuận này, Tòa án sơ thẩm xử buộc nguyên đơn trả cho bị đơn 35.000.000 đồng tiền đào ao là không đúng, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của anh Thạch S đòi ông P trả 35.000.000 đồng tiền đào, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Kiên P sửa án sơ thẩm.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Thẩm phán thụ lý vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang yêu cầu hủy một phần bản án sơ thẩm về nội dung là có căn cứ, vì tại phiên tòa bị đơn đã rút yêu cầu phản tố đòi nguyên đơn trả tiền đào

ao 35.000.000 đồng nhưng Hội đồng xét xử không đình chỉ yêu cầu của bị đơn đã rút là vi phạm điểm c, khoản 2 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án này có 05 người cùng làm đơn khởi kiện, nhưng khi xét xử chỉ xác định một nguyên đơn là ông Kiên P, nên khi tuyên án buộc phía bị đơn trả lại đất cho ông Kiên P là chưa giải quyết hết nội dung vụ án làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng nguyên đơn khác. Về kết quả xem xét, thẩm định tại chổ của Tòa án sơ thẩm không mô tả rõ hiện trường, số liệu khác nhau, nên không đảm bảo thi hành án.

Từ những phân tích trên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, căn cứ khoản 3 Điều 308 hủy Bản án sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 18/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông Kiên P khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Thạch S trả diện tích đất 6.497m^2 do cho mượn đào ao nuôi tôm. Theo yêu cầu này, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp đòi lại tài sản cho mượn là đúng. Quá trình tố tụng, anh Thạch S khai không đồng ý trả đất, do đất nguyên đơn đã cho chung vợ chồng nên xin được hưởng ½ trong tổng diện tích đất 6.497m^2; lúc thì khai nếu không được nhận ½ diện tích đất thì yêu cầu ông P phải bồi thường 35.000.000 đồng tiền đào ao. Tại đơn khởi kiện ngày 24/8/2017, bị đơn yêu cầu nguyên đơn bồi thường 35.000.000 đông tiền thuê xe cuốc đào ao, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn có yêu cầu phản tố nên đã thụ lý yêu cầu này và xác định quan hệ pháp luật đòi bồi thường thiệt hại là đúng, vì yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại 35.000.000 đồng tiền đào ao của bị đơn không cùng với yêu cầu đòi lại tài sản cho mượn là quyền sử dụng đất của nguyên đơn được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Với yêu cầu phản tố như trên, án sơ thẩm nhận định việc thụ lý yêu cầu của anh S không đúng pháp luật là chưa chính xác. Từ việc xác định không phải là yêu cầu phản tố nên chấp nhận việc rút yêu cầu của anh S nhưng vẫn xem xét buộc ông P trả cho anh S tiền đào ao là không đúng pháp luật tố tụng.

[3] Qua xem xét toàn bộ hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm thấy rằng hồ sơ vụ án có nhiều sai sót cụ thể như sau:

- Đơn khởi kiện (bút lục số 01) có 05 người cùng đứng đơn gồm: Ông Kiên P, bà Kiên Thị S (vợ ông P), chị Kiên Thị P, anh Kiên N và anh Kiên R (là con ông P và bà S). Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận đơn và cho 05 người cùng nộp dự phí, ra thông báo thụ lý với 05 người cùng đồng nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khi xét xử nhận định trong bản án bà S, chị P, anh N và anh Kiên R không phải đồng nguyên đơn là không đúng. Nội dung đơn khởi kiện chỉ thể hiện 01 người có yêu cầu bị đơn trả đất, lẽ ra Tòa án phải yêu cầu đương sự bổ sung đơn khởi kiện cho đầy đủ nội dung theo đúng quy định tại Điều 193 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình tố tụng chị P có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện vì chị cho rằng chị không có liên quan gì đến vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không xử lý việc rút đơn của chị P là vi phạm tố tụng.

- Trong vụ án này việc xem xét, thẩm định tại chổ có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc giải quyết vụ án và thi hành án. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm khi thẩm định

không mô tả rõ hiện trường theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Bộ luật Tố tụng dân sự mà chỉ ghi chiều dài và tứ cận của phần đất tranh chấp. Số liệu của biên bản thẩm định và số liệu cung cấp của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện N có sự lệch nhau. Tại Tòa án cấp phúc thẩm anh S khai đất khi thẩm định anh đang nuôi tôm nhưng biên bản thẩm định không thể hiện, thửa đất tranh chấp hiện nay không xác định được cụ thể ranh giới do khi đào ao nuôi tôm anh S đã đào chung với phần đất của gia đình, án sơ thẩm chưa làm rõ vấn đề này là không đảm bảo quyền lợi của anh S và việc thi hành án.

- Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét miễn án phí cho các đương sự trong vụ án là có căn cứ, nhưng thủ tục xem xét miễn án phí chưa tuân thủ đúng theo quy định các Điều 14 và 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Tòa án cấp sơ thẩm cần quán triệt thực hiện nghiêm túc quy định này.

[4] Những vi phạm trên của Tòa án cấp sơ thẩm là nghiêm trọng, Tòa án cấp phúc thẩm không thể bổ sung được nên cần phải hủy án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật

[5] Ý kiến của Luật sư và Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ. Khi giải quyết lại vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cần xem xét để khắc phục các thiếu sót trên mới đảm bảo quyền lợi của các đương sự trong vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Hủy bản án sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 18/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử tranh chấp đòi lại tài sản cho mượn, tranh chấp đòi bồi thường tiền chi phí đào ao nuôi tôm giữa nguyên đơn ông Kiên P với bị đơn anh Thạch S; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang để xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

- Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí sơ phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Lực